82/2022 VIET NAM - NORTH EAST COAST - HAI PHONG - Depths.
Source: Viet Nam Maritime Safety - North, Notice No. 163/2022/TBHH-TCTBĐATHHMB

Chart - VN50008 [*previous update 78/2022*]

Insert	depth, 5_8	20°52.13'N	106°41.49'E
	depth, 7_6	20°52.07'N	106°41.33'E
	depth, 7_4	20°52.04'N	106°41.23'E
	depth, 7_5	20°52.02'N	106°41.13'E
	depth, 2_3	20°51.99'N	106°40.95'E
Replace	depth, 6_6, with depth, 5_8	20°52.25'N	106°41.69'E
	depth, 7_8, with depth, 6	20°52.21'N	106°41.62'E
	depth, 5_4, with depth, 6_6	20°52.14'N	106°41.52'E
	depth, 5_7, with depth, 6_2	20°52.03'N	106°41.21'E
Delete	depth, 6_6	20°52.15'N	106°41.48'E
	depth, 7_7	20°52.08'N	106°41.28'E

(All positions are referred to WGS84 Datum)

82/2022 VIỆT NAM - BỜ BIỂN ĐÔNG BẮC BỘ - HẢI PHÒNG - Độ sâu.
Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc, Thông báo số 163/2022/TBHH-TCTBĐATHHMB

Hải đồ - VN50008 [*cập nhật trước 78/2022*]

Chèn	độ sâu, 5_8	20°52.13'N	106°41.49'E
	độ sâu, 7_6	20°52.07'N	106°41.33'E
	độ sâu, 7_4	20°52.04'N	106°41.23'E
	độ sâu, 7_5	20°52.02'N	106°41.13'E
	độ sâu, 2_3	20°51.99'N	106°40.95'E
Thay	depth, 6_6, with depth, 5_8	20°52.25'N	106°41.69'E
	depth, 7_8, with depth, 6	20°52.21'N	106°41.62'E
	depth, 5_4, with depth, 6_6	20°52.14'N	106°41.52'E
	depth, 5_7, with depth, 6_2	20°52.03'N	106°41.21'E
Xóa	depth, 6_6	20°52.15'N	106°41.48'E
	depth, 7_7	20°52.08'N	106°41.28'E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo hệ tọa độ WGS84)